

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ NGÀNH KHÁC (Đào tạo trình độ tiến sĩ)

STT	Tên chuyên ngành đào tạo	Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần/ngành khác	Các môn học bổ sung kiến thức
1.	QUẢN TRỊ KINH DOANH (9340101)	<ul style="list-style-type: none">– Quản trị kinh doanh (8340101);– Kinh doanh thương mại (8340121);	<ul style="list-style-type: none">– Tài chính – Ngân hàng (8340201);– Bảo hiểm (8340204);– Kế toán (8340301);– Khoa học quản lý (8340401);– Chính sách công (8340402);– Quản lý công (8340403);– Quản trị nhân lực (8340404);– Hệ thống thông tin quản lý (8340405);– Quản lý khoa học và công nghệ (8340412);– Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (8340417);– Kinh tế học (8310101).	<p>Yêu cầu: Hoàn thành 08 tín chỉ, bao gồm các học phần sau:</p> <p>Học phần bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none">– Quản trị Marketing (3 tín chỉ);– Quản trị chiến lược (3 tín chỉ); <p>Học phần tự chọn</p> <ul style="list-style-type: none">– Quản trị tài chính (2 tín chỉ);– Quản trị dự án (2 tín chỉ);– Quản trị nguồn nhân lực (2 tín chỉ);
2.	KẾ TOÁN (9340301)	<p>Đối tượng có văn bằng tốt nghiệp thạc sĩ:</p> <ul style="list-style-type: none">– Kế toán (8340301)	<p>Đối tượng có văn bằng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none">– Tài chính – Ngân hàng (8340201);– Bảo hiểm (8340204);– Quản trị kinh doanh (8340101);– Kinh doanh thương mại (8340121);– Khoa học quản lý (8340401);– Chính sách công (8340402);– Quản lý công (8340403);– Quản trị nhân lực (8340404);	<p>Yêu cầu: Hoàn thành 9 tín chỉ, bao gồm các học phần sau:</p> <p>Học phần bắt buộc (6 tín chỉ):</p> <ul style="list-style-type: none">– Kế toán tài chính nâng cao (3 tín chỉ);– Kế toán quản trị nâng cao (3 tín chỉ). <p>Học phần tự chọn (3 tín chỉ):</p> <ul style="list-style-type: none">– Kiểm toán nâng cao (3 tín chỉ);– Hệ thống thông tin kế toán (3 tín chỉ).

			<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông tin quản lý (8340405); - Quản lý khoa học và công nghệ (8340412); - Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (8340417); 	
		<p>Đối tượng có văn bằng tốt nghiệp đại học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế toán (7340301) - Kiểm toán (7340302) 	<p>Đối tượng có văn bằng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị kinh doanh (7340101); - Marketing (7340115); - Bất động sản (7340116); - Kinh doanh quốc tế (7340120); - Kinh doanh thương mại (7340121) - Thương mại điện tử (7340122) - Kinh doanh thời trang và dệt may (7340123) - Tài chính - Ngân hàng (7340201) - Bảo hiểm (7340204) - Khoa học quản lý (7340401) - Quản lý công (7340403) - Quản trị nhân lực (7340404) - Hệ thống thông tin quản lý (7340405) - Quản trị văn phòng (7340406) - Quan hệ lao động (7340408) - Quản lý dự án (7340409) 	<p>Yêu cầu: Hoàn thành 26 tín chỉ, bao gồm các học phần sau:</p> <p>Học phần bắt buộc (13 tín chỉ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp NCKH (2 tín chỉ); - Thống kê kinh doanh (3 tín chỉ); - Lý thuyết kế toán (2 tín chỉ); - Kế toán tài chính nâng cao (3 tín chỉ); - Kế toán quản trị (3 tín chỉ); <p>Học phần cơ sở ngành tự chọn (4 tín chỉ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế học (2 tín chỉ); - Công cụ xử lý và phân tích dữ liệu (2 tín chỉ); - Pháp luật về kế toán và kiểm toán (2 tín chỉ) <p>Học phần chuyên sở ngành tự chọn (9 tín chỉ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm toán nâng cao (3 tín chỉ); - Kế toán quốc tế (3 tín chỉ); - Quản trị tài chính (3 tín chỉ); - Hệ thống thông tin kế toán (3 tín chỉ); - Quản trị chiến lược nguồn nhân lực (3 tín chỉ); - Đạo đức kinh doanh (3 tín chỉ); - Tài chính quốc tế (2 tín chỉ);

				<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị dự án (2 tín chỉ); - PPNCKH ứng dụng trong kế toán (2 tín chỉ); - Thực hiện 02 chuyên đề nghiên cứu (4 tín chỉ).
3.	KHOA HỌC MÁY TÍNH (9480101)	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính (8480101); - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (8480102); - Kỹ thuật phần mềm (8480103); - Hệ thống thông tin (8480104); - Kỹ thuật máy tính (8480106). 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin (8480201); - An toàn thông tin (8480202); - Quản lý công nghệ thông tin (8480204); - Quản lý hệ thống thông tin (8480205); - Kỹ thuật viễn thông (8520208); - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (8520216); 	<p>Yêu cầu: Hoàn thành 09 tín chỉ, bao gồm các học phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thuật đồ thị nâng cao (3 tín chỉ); - Phân tích xác suất và Giải thuật ngẫu nhiên (3 tín chỉ); - Học máy (3 tín chỉ);
4.	KỸ THUẬT XÂY DỰNG (9580201)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xây dựng (8580201); - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy (8580202); - Kỹ thuật xây dựng công trình biển (8580203); - Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm (8580204); - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (8580205); - Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt (8580206); - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (8580210); - Địa kỹ thuật xây dựng (8580211); - Kỹ thuật tài nguyên nước (8580212); - Kỹ thuật cấp thoát nước (8580213). 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế xây dựng (8580301); - Quản lý xây dựng (8580302); - Kiến trúc (8580101); - Kiến trúc nội thất (8580103); - Quy hoạch vùng và đô thị (8580105); - Quản lý đô thị và công trình (8580106); - Thiết kế nội thất (8580408) - Đô thị học (8580112). 	<p>Yêu cầu: Hoàn thành 08 tín chỉ, bao gồm các học phần sau:</p> <p>Học phần bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ học kết cấu nâng cao (2 tín chỉ); - Kết cấu bê tông cốt thép nâng cao (3 tín chỉ); <p>Học phần tự chọn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ học vật rắn biến dạng (2 tín chỉ); - Kết cấu tối ưu đàn hồi và dẻo (2 tín chỉ); - Cơ học rạn nứt (2 tín chỉ);
5.	KHOA HỌC TÍNH TOÁN (9460107)	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học tính toán (8460107) - Kỹ thuật tính toán 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học (8460101); - Lí thuyết xác suất và thống kê toán học (8460106); - Cơ sở toán học cho tin học (8460110); 	<p>Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ/tiến sĩ ngành gần, hoàn thành 15 tín chỉ, bao gồm các học phần sau:</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Toán ứng dụng (8460112); - Toán – Tin (8460117); - Thống kê (8460201); - Khoa học máy tính (8480101); - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (8480102); - Hệ thống thông tin (8480104); - Kỹ thuật máy tính (8480106); - Công nghệ thông tin (8480201); - Quản lý công nghệ thông tin (8480204); - Quản lý Hệ thống thông tin (8480205); - Cơ kỹ thuật (8520101); - Kỹ thuật cơ điện tử (8520114); - Kỹ thuật nhiệt (8520115); - Kỹ thuật cơ khí động lực (8520116); - Kỹ thuật hàng không (8520120); - Kỹ thuật tàu thủy (8520122); - Kỹ thuật ô tô (8520130); - Kỹ thuật điện (8520201); - Kỹ thuật điện tử (8520203); - Kỹ thuật viễn thông (8520208); - Kỹ thuật điều khiển và TĐH (8520216); - Kỹ thuật hóa học (8520301); - Kỹ thuật vật liệu (8520309); - Kỹ thuật môi trường (8520320); - Vật lý kỹ thuật (8520401); - Kỹ thuật hạt nhân (8520402); - Kỹ thuật địa chất (8520501); - Kỹ thuật địa vật lý (8520502); - Kỹ thuật xây dựng (8580201); - Kỹ thuật XD công trình thủy (8580202); - Kỹ thuật XD công trình biển (8580203); 	<ul style="list-style-type: none"> - Môi trường tính toán khoa học (3 tín chỉ); - Trực quan hóa dữ liệu khoa học (3 tín chỉ); - Tính toán ma trận nâng cao (3 tín chỉ); - Phương pháp số cho phương trình đạo hàm riêng (3 tín chỉ); - Tối ưu hóa số (3 tín chỉ). <p>Đối với nghiên cứu sinh có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và ngành đúng), hoàn thành 32 tín chỉ, bao gồm các học phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường tính toán khoa học (3 tín chỉ); - Trực quan hóa dữ liệu khoa học (3 tín chỉ); - Tính toán ma trận nâng cao (3 tín chỉ); - Phương pháp số cho phương trình đạo hàm riêng (3 tín chỉ); - Tối ưu hóa số (3 tín chỉ); - Giới thiệu các phần mềm tính toán – mô phỏng (2 tín chỉ); - Cơ sở tính toán khoa học (3 tín chỉ); - Phương pháp lập trình (4 tín chỉ); - Thống kê tính toán và phân tích dữ liệu (3 tín chỉ); - Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ). - Triết học (3 tín chỉ)
--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none">- Kỹ thuật XD công trình ngầm (8580204);- Kỹ thuật XD công trình giao thông (8580205);- Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt (8580206);- Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (8580210);- Địa kỹ thuật xây dựng (8580211);- Kỹ thuật tài nguyên nước (9580212);- Kỹ thuật cấp thoát nước (9580213).- Các ngành khoa học và kỹ thuật khác do Hội đồng khoa học và đào tạo Trường đại học Tôn Đức Thắng quyết định.	
--	--	--	---	--